

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2023
V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Vân;
- Ông Đào Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị và anh Đ tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào ngày 12/9/2002. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, hôn nhân không hạnh phúc. Chị bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu D, sinh ngày 01/8/2003 và Nguyễn Thị Trúc L2, sinh ngày 03/4/2007. Cháu Duy đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Trúc L2, sinh ngày 03/4/2007; không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2023, anh Nguyễn Hữu Đ trình bày:*

Anh và chị Lê Thị L chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau và vợ anh bỏ nhà đi từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 người con chung tên là Nguyễn Hữu D, sinh ngày 01/8/2003 và Nguyễn Thị Trúc L2, sinh ngày 03/4/2007; khi ly hôn, con chung là Nguyễn Hữu D đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh đồng ý giao con chung Nguyễn Thị Trúc L2 cho chị L nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động sinh sống được.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L và anh Đ vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật liên quan. Chị L, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L, anh Đ.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị L đối với anh Nguyễn Hữu Đ.

Về con chung: Cháu Nguyễn Hữu D, sinh ngày 01/8/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị L, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Trúc L2, sinh ngày 03/4/2007. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị L, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hữu Đ hiện nay có hộ khẩu thường trú và cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Hữu Đ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L, anh Đ

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh Đ chung sống với nhau vào năm 2002, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào ngày 12/9/2002, nên hôn nhân của chị L, anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị L cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không cùng chung quan điểm sống, tính tình không hợp, hôn nhân không hạnh phúc. Chị bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

Chị L, anh Đ sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay nhưng anh Đ không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án anh Đ có ý kiến thống nhất đồng ý ly hôn với chị L. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L đối với anh Nguyễn Hữu Đ.

[3] Về con chung: Chị L và anh Đ thống nhất khai anh chị sống chung có 02 con chung tên là Nguyễn Hữu D, sinh ngày 01/8/2003 và Nguyễn Thị Trúc L2, sinh ngày 03/4/2007. Hiện nay cháu Nguyễn Hữu D, sinh ngày 01/8/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị L, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Cháu Nguyễn Thị Trúc L2, sinh ngày 03/4/2007 đang sống chung với chị L, quá trình giải quyết vụ án cháu L2 có nguyện vọng sống chung với chị L; anh Đ đồng ý giao cháu L2 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào sự đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, giao cháu Nguyễn Thị Trúc L2, sinh ngày 03/4/2007 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi chị L, anh Đ ly hôn là phù hợp.

Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị L đối với anh Nguyễn Hữu Đ.

Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

2. Về con chung: Chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Trúc L2, sinh ngày 03/4/2007. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0017778 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND thị trấn Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân

